TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Thúy H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng: (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Trần Thanh T tự nguyện sống chung và tổ chức lễ cưới vào tháng 02/2010, đến ngày 03/6/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh phúc. Chị H và anh T sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Về hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh T; về con chung: trong thời gian chung sống chị H và anh T có một con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 05/02/2011, hiện nay cháu V đang sống với chị H. Chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu V cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn số 64, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 03/6/2011, họ và tên chồng Trần Thanh T và họ và tên vợ Dương Thị Thúy H (bản chính); Giấy khai sinh số 216, họ và tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 05/02/2011, họ và tên mẹ Dương Thị Thúy H, họ và tên cha Trần Thanh T, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28/9/2011(bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính). Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan có thẩm quyền cấp và chứng thực nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, anh T không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa anh T vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho chị H ly hôn với anh T; về con chung: giao con chung tên Trần Ngọc Tường V cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Dương Thị Thúy H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị H. Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị H và anh T không chung sống cùng nhau từ tháng 10/2016 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị H được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu của chị H về con chung. Cháu Trần Ngọc Tường V là con chung của chị H và anh T, từ sau khi chị H và anh T không sống chung, cháu V vẫn đang sống chung với chị H đến nay. Chị H đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu V. Hiện nay, chị H có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi

dưỡng con chung, anh T không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị H. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Ngọc Tường V cho chị Dương Thị Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị H. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến đối với yêu cầu của chị H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T không chịu án phí; chị H phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thúy H.

1. Về hôn nhân: cho chị Dương Thị Thúy H và anh Trần Thanh T ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 05/02/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị H. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu, anh T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T không phải chịu án phí; chị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009156 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng.KTNV-THA);
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Thị Ngoan